TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 30/6/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương
2. Ông Võ Khắc Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 296/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 ; Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 06/6/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số X, Quốc lộ Y, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà **Bạch Thị T**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Văn Huy H**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Hẻm A, đường T, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bà **Phạm Thị Tuyên D**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 27/01/2021 bà cho bà Bạch Thị T vay số tiền 370.000.000đ *(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)*, thời gian vay là 06 tháng, không tính lãi, sau thời gian trên bà T không trả và hứa chờ bán đất xong sẽ trả đầy đủ cho bà. Việc vay mượn số tiền trên bà T có viết giấy mượn tiền, chữ viết và chữ ký tại giấy mượn tiền ngày 27/01/2021 là do bà T viết và ký tên. Tháng 6/2022 bà T vay thêm của bà số tiền 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* để lo giấy tờ chuyển nhượng đất, khi cho vay số tiền 50.000.000đ bà T không viết giấy gì nhưng có con trai bà tên Nguyễn Văn Huy H, sinh năm: 1987, hiện cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và bà Phạm Thị Tuyên D là người cùng buôn bán tại chợ N, huyện Đ chứng kiến việc bà đưa tiền cho bà T. Sau khi bán được đất bà T không trả tiền cho bà như đã hứa, bà nhiều lần liên hệ với bà T yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không nghe điện thoại, còn trốn tránh bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bạch Thị T trả cho bà số tiền gốc là 420.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi triệu đồng),* bà không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Huy H trình bày:

Ông là con trai của bà Nguyễn Thị L. Vào lúc 8 giờ sáng ngày 10/6/2022 tại quầy số 66 (hàng cá) khu A chợ N, huyện Đ ông có chứng kiến mẹ ông là bà Nguyễn Thị L đưa cho bà Bạch Thị T (tên thường gọi là H) mượn số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng*), cọc tiền 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng. Ông cam đoan sự việc ông chứng kiến là đúng sự thật, nếu sai ông chịu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngoài ra ông không chứng kiến sự việc nào khác.

Người làm chứng bà Phạm Thị Tuyên D trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị L cùng buôn bán một nơi tại khu A, chợ N, huyện Đ. Vào lúc 8 giờ sáng ngày 10/6/2022 tại quầy số 66 (hàng cá) khu A chợ N, huyện Đ bà chứng kiến bà Nguyễn Thị L đưa cho bà Bạch Thị T (tên thường gọi là H) mượn số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng*), cọc tiền 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng. Bà biết rõ sự việc là bởi vì ngay lúc bà thấy bà L đưa tiền cho bà T thì bà đòi bà T trả cho bà số tiền 50 triệu đồng mà trước đó bà T vay của bà hứa trả nhưng chưa trả nên bà T đưa luôn cho bà số tiền đã mượn của bà L.

Bị đơn bà Bạch Thị T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Bạch Thị T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn bà Bạch Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho bà Bạch Thị T vay số tiền 420.000.000 đồng nhưng đến hạn bà T không trả nên bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc trên, bà L không yêu cầu trả lãi. Bị đơn bà Bạch Thị T không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn bà Bạch Thị T cư trú tại thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án và có đơn xin vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Ngày 27/01/2021 bà Nguyễn Thị L cho bà Bạch Thị T vay số tiền 370.000.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)*, thời hạn vay là 06 tháng, về tiền lãi không thể hiện trong giấy mượn tiền, theo bà L thì giấy mượn tiền do bà T tự viết và ký tên. Ngoài ra, vào khoảng tháng 6/2022 bà L cho bà T vay số tiền 50.000.000 *đồng (Năm mươi triệu đồng)*, vì tin tưởng nên hai bên không viết giấy với nhau mà có ông Nguyễn Văn Huy H (con trai bà L) và bà Phạm Thị Tuyên D làm chứng. Bà L yêu cầu bà T trả số tiền 420.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản vay 370.000.000 đồng, căn cứ khởi kiện là bản gốc giấy có tiêu đề *"Giấy mượn tiền"* lập ngày 27/01/2021, nội dung thể hiện bà Bạch Thị T mượn của bà Nguyễn Thị L số tiền là 370.000.000đ *(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)*, có chữ ký của người mượn Bạch Thị T.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, tuy nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bị đơn vay số tiền 50.000.000đ nhưng căn cứ vào lời khai làm chứng của bà Phạm Thị Tuyên D và ông Nguyễn Văn Huy H trình bày ông H, bà D chứng kiến bà Nguyễn Thị L đưa cho bà Bạch Thị T mượn số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng*) vào ngày 10/6/2022 tại quầy số 66 (hàng cá) khu A, chợ N, huyện Đ. Lời khai làm chứng của ông H, bà D phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T theo đúng trình tự quy định để bà T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng đủ cơ sở để khẳng định bà T có vay của bà L số tiền 420.000.000đ, bà T chưa trả cho bà L. Do đó, cần buộc bị đơn bà Bạch Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 420.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi triệu đồng)*.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn bà Bạch Thị T.

Buộc bà Bạch Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 420.000.000đ *(Bốn trăm hai mươi triệu đồng)*. Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu bà Bạch Thị T trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Bạch Thị T phải chịu 20.800.000 đồng *(Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Hằng